

Số: **5194** /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày **18** tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên hệ chính quy
Học kỳ I năm học 2019 - 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 và Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Liên bộ Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh và xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020.

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020.

Căn cứ Hướng dẫn số 07/HD-ĐHV ngày 02/6/2016 của Trường Đại học Vinh về thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, sinh viên hệ chính quy của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ vào Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Vinh;

Xét hồ sơ xin miễn, giảm học phí năm học kì 1 năm học 2019 - 2020 của sinh viên và kết luận của Hội đồng thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên Trường Đại học Vinh tại phiên họp ngày 6 tháng 11 năm 2019;

Xét đề nghị của Trường phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn học phí cho 341 sinh viên, giảm 70% học phí cho 63 sinh viên và giảm 50% học phí cho 27 sinh viên hệ chính quy (có danh sách kèm theo) học kì I, năm học 2019 - 2020 (5 tháng), tổng số tiền là 1.874.580.000 đồng (Một tỷ, tám trăm bảy mươi triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Công tác chính trị-Học sinh, sinh viên, Kế hoạch-Tài chính, Hành chính tổng hợp, Trưởng các viện, các khoa đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan và những sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Lưu: HCTH, CTCTHSSV.



GS.TS. Đinh Xuân Khoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 5154 /QĐ-ĐHV ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

1. VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Ngành: Chính trị học

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Lô Thị Thu Hằng	165TDV400425	57B	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890.000	5	4.450.000	187636715	01684436191	108869277718	Vietinbank
2	Vì Thị Hằng	165TDV400404	57B	DTTS-VĐBKK	Giảm 70%	Thái	623.000	5	3.115.000	187517392	0918514946	102003762853	Vietinbank
3	Trình Mạnh Quát	165TDV400384	57B	SV tàn tật, hộ cận nghèo	Miễn		890.000	5	4.450.000	187445914	0969108136	101002089804	Vietinbank
4	Lô Thị Thùy Linh	165TDV400395	57B	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Thái	890.000	5	4.450.000	187515355	01632541765	103003634499	Vietinbank
5	Lê Đức Thảo	165TDV400426	57B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890.000	5	4.450.000	187773499	01658621818	105003634516	Vietinbank
6	Vì Văn Sơn	165TDV400485	57B	DTTS-VĐBKK	Giảm 70%	Thái	623.000	5	3.115.000	187513099	0967318993	109002109531	Vietinbank
7	Nguyễn Thị Thoa	1755231020100009	58B	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	890.000	5	4.450.000	187783058	01695622303	100867743924	Vietinbank
8	Xeo Thị Sừu	1755231020100001	58B	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	890.000	5	4.450.000	187564690	01663033560	104867743605	Vietinbank
9	Lý Bá Châu	1755231020100003	58B	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Mông	890.000	5	4.450.000	187693463	0944829337	104867743620	Vietinbank
10	Hồ Bá Rê	1755231020100011	58B	DTTS-VĐBKK	Giảm 70%	Mông	623.000	5	3.115.000	187694055	01252820038	105867743929	Vietinbank
11	Moong Văn Bún	1755231020100012	58B	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	890.000	5	4.450.000	187692718	01258593453	107868049144	Vietinbank
12	Lô Văn Cương	1755231020100005	58B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890.000	5	4.450.000	187567710	0967173574	106867743885	Vietinbank
13	Lâu Y Lý	1755222034200008	58B	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	890.000	5	4.450.000	187780726	948415653	108867649184	Vietinbank

Ấn định danh sách miễn 10 SV, giảm 70% 03 SV

Tổng tiền:

10,769,000

53,845,000

Ngành: Quản lý Nhà nước

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Moong Văn Mưu	18573102050002	59B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	890.000	5	4.450.000	187866218	01297759459	105868888030	Vietinbank
2	Lý Bá Mạnh	18573102050004	59B	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	890.000	5	4.450.000	187666428	0972763509	102869053446	Vietinbank
3	Nguyễn Thị Khánh Hòa	18573102050003	59B	Con thương binh 4/4	Miễn		890.000	5	4.450.000	184366932	01656711031	103869053445	Vietinbank
4	Là Văn Nghiệp	18573102050007	59B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	890.000	5	4.450.000	040627140	0395263261	107869208092	Vietinbank
5	Hồ Y Tàu	19573102050001	60B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	H'Mông	890.000	5	4.450.000	187867228	0388868639	105870628471	Vietinbank
6	Và Y Cờ	19573102050003	60B	DTTS-VĐBKK	Giảm 70%	Mông	623.000	5	3.115.000	187866760	0343258501	104870924967	Vietinbank
7	Vì Văn Sừ	19573102050002	60B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	890.000	5	4.450.000	187838437	0387489306	104870628472	Vietinbank

Ấn định danh sách miễn 6 SV, giảm 70% 01 SV

Tổng tiền:

5,963,000

29,815,000

Ngành: Công tác xã hội

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Lương Thị Minh Hiền	165TDV400524	57B	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	623.000	5	3.115.000	187517342	962758620	103003634448	Vietinbank
2	Xông Y Xông	165TDV400607	57B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Mông	890.000	5	4.450.000	187517663	1232328979	107003634838	Vietinbank
3	Trương Văn Giáp	1755276010100014	58B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	890.000	5	4.450.000	187671304	964004385	102867596014	Vietinbank
4	Vì Thị Trang	1755276010100023	58B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	890.000	5	4.450.000	187779222	1652520353	105867596023	Vietinbank

5	Lữ Thị Kim Cúc	1755276010100007	58B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187712295	1698231362	106867596007	Vietinbank
6	Kha Thị Tầm	1755276010100002	58B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187779678	965721164	101867596002	Vietinbank
7	Lâm Thị Oanh	1755276010100028	58B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187671033	986739727	105867649199	Vietinbank
8	Già Bá Súa	1755276010100018	58B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	H'Mông	890,000	5	4,450,000	187672446	943673914	108867596018	Vietinbank
9	Đinh Thảo Nhi	1755276010100006	58B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thổ	890,000	5	4,450,000	187761546	1639607633	107867596006	Vietinbank
10	Kha Văn Hằng	1755276010100017	58B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187693278	1677154399	109867596017	Vietinbank
11	Hoa Trung Uy	1755276010100020	58B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	890,000	5	4,450,000	187695049	1643433771	108867596020	Vietinbank
12	Chích Văn Quy	1755276010100032	58B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	890,000	5	4,450,000	187695046	967172105	107867649203	Vietinbank
13	Vì Thị Ngọc Châu	1755276010100019	58B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187567941	1257132699	107867596019	Vietinbank
14	Vì Quỳnh Giao	1755276010100012	58B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187629856	1672083238	104867596012	Vietinbank
15	Xeo Văn Hằng	1755276010100025	58B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	890,000	5	4,450,000	187567330	1259640142	103867596025	Vietinbank
16	Nguyễn Thị Kiều	1755276010100026	58B	Tân tỵ, hộ cận nghèo	Miễn		890,000	5	4,450,000	187579706	1255916445	102867596026	Vietinbank
17	Mùa Bá Thìn	18577601010016	59B	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	890,000	5	4,450,000	187783777	0974667742	107869053441	Vietinbank
18	Đoàn Thị Thanh Thảo	18577601010007	59B	Con mồ côi	Miễn		890,000	5	4,450,000	184360974	0915587224	108869053440	Vietinbank
19	Lữ Thủy Kiều	18577601010005	59B	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187865444	0973408130	102869053433	Vietinbank
20	Ha Y Nu	18577601010010	59B	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	890,000	5	4,450,000	187865869	01696826795	107869053438	Vietinbank
21	Lý Y Ai	19577601010011	60B	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	890,000	5	4,450,000	187780535	0947798469	104870628469	Vietinbank
22	Vũ Bá Lành	19577601010010	60B	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187781715	0825879518	105870628468	Vietinbank
23	Hồ Y Sia	19577601010004	60B	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187867226	0818728192	100870628463	Vietinbank
24	Vì Văn Thảo	19577601010001	60B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187643962	0366159725	103870628460	Vietinbank
							Tổng tiền:		20,292,000		101,460,000		

An định danh sách miễn 20 SV, giảm 70% 04 SV.

Ngành: Việt Nam học

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Trần Thị Thu Thảo	165TDV400482	57B DL	Con bệnh binh 2/3	Miễn	Kinh	1,060,000	5	5,300,000	187728254	1658571331	107867535317	Vietinbank
2	Lê Thị Thương	165TDV400497	57B DL	Con bệnh binh 2/3	Miễn	Kinh	1,060,000	5	5,300,000	187572754	1637391673	104003522904	Vietinbank
3	Hoàng Thị Nga	165TDV400521	57B DL	Con thương binh 4/4	Miễn	Kinh	1,060,000	5	5,300,000	187788424	989848306	108003183045	Vietinbank
4	Võ Thị Tú Uyên	1755222011300039	58B1	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187819548	0964379702	108867595998	Vietinbank
5	Đào Thị Thảo Vy	1755222011300032	58B1	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187698101	0962690400	105867595991	Vietinbank
6	Trương Thị Hồng Hạnh	18573106300026	59B1	Con thương binh 2/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	184394970	0965825164	106869048099	Vietinbank
7	Đặng Tuấn Dũng	18573106300004	59B1	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	742,000	5	3,710,000	187700062	01695132247	104869048091	Vietinbank
8	Hồ Thị Nhung	18573106300006	59B1	Con mồ côi	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187819637	01255496943	109869048115	Vietinbank
9	Nguyễn Duy Tuấn	18573106300044	59B2	Khuyết tật, HCN	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187911371	0868208706	109869048154	Vietinbank
10	Vì Thị Hòa	18573106300075	59B2	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	742,000	5	3,710,000	187762149	01632493117	103869048135	Vietinbank
11	Lo Thị Vân	18573106300052	59B2	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	1,060,000	5	5,300,000	187644355	0941170042	105869048158	Vietinbank
12	Sâm Thị Quỳnh Liên	18573106300076	59B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	1,060,000	5	5,300,000	187643909	374050065	100869048138	Vietinbank
13	Nguyễn Thị Đào	19573106300047	60B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thổ	1,060,000	5	5,300,000	187768333	0976563605	104870628445	Vietinbank
14	Nguyễn Hương Giang	19573106300060	60B	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	742,000	5	3,710,000	187841086	0971041147	103870628458	Vietinbank
15	Nguyễn Thị Hà	19573106300006	60B	Con mồ côi	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	184432429	0889804044	107870628402	Vietinbank
16	Vì Thị Ánh Linh	19573106300012	60B	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	742,000	5	3,710,000	187775743	0384945910	101870628408	Vietinbank
17	Vì Thị Hà Linh	19573106300049	60B	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	742,000	5	3,710,000	187837608	0368772902	102870628447	Vietinbank
18	Lữ Tuấn Linh	19573106300058	60B	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	742,000	5	3,710,000	187770176	0971095046	105870628456	Vietinbank
19	Lộc Thị Bé Nguyệt	19573106300062	60B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	1,060,000	5	5,300,000	187838391	0382036228	102870628459	Vietinbank
20	Dương Thị Minh Tâm	19573106300045	60B	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187924997	0367060491	107870628442	Vietinbank
21	Lương Thị Phương Thảo	19573106300017	60B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	1,060,000	5	5,300,000	187841989	0839942628	108870628414	Vietinbank
22	Mac Thị Kiều Trang	19573106300027	60B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	1,060,000	5	5,300,000	187839265	0854381157	101870628423	Vietinbank
23	Nguyễn Phương Thủy	18573106300076	60B	Con người bị TNLD	Giảm 50%		530,000	5	2,650,000	184403122	0823814025	101870698131	Vietinbank

Ấn định danh sách miễn 16 SV; Giảm 70%: 06 SV; Giảm 50%: 01 SV.

Ngành: Báo chí

Tổng tiền:

21,942,000

109,710,000

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Nguyễn Quốc Việt	165TDV400470	57B - Báo chí	DTTS, VĐBK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187628161	0918885569	104003546945	Vietinbank
2	Nguyễn Thái Xuân Sơn	165TDV400505	57B	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187250371	01677171979	105005807595	Vietinbank
3	Vàng Thị Thơ	1755232010100001	58B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187670139	0377439652	108867606723	Vietinbank
4	Đoàn Thị Minh Hương	18573201010015	59B	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	184352380	0964878297	102869053419	Vietinbank

Ấn định danh sách miễn 03 sv, giảm 70%: 01 sv

Tổng tiền:

3,293,000

16,465,000

Ấn định danh sách toàn Viện miễn 55 SV, giảm 70% 15 SV, giảm 50% 01 SV.

Tổng tiền:

62,259,000

311,295,000

2. VIỆN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Ngành: Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Nguyễn Hữu Hoàng	155D4802010007	56K1	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187698183	01208524297	102002060191	Vietinbank
2	Lê Thị Xuân Quỳnh	155D4802010153	56K1	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187702741	0963166435	102002114263	Vietinbank
3	Vì Văn Bảo	155D4802010242	56K1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	1,060,000	5	5,300,000	187552102	0964772754	108002842933	Vietinbank
4	Lê Ngọc Phát	155D4802010240	56K1	SV khuyết tật hộ cận nghèo	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	174915029	0965234157	108002842933	Vietinbank
5	Nguyễn Công Danh	155D4802010064	56K2	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187441172	1628327335	104002115628	Vietinbank
6	Lào Thị Linh Chi	155D4802010032	56K2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	1,060,000	5	5,300,000	187511772	01686213043	102002519948	Vietinbank
7	Hoàng Ngọc Thắng	155D4802010069	56K2	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187699309	967195096	102002098916	Vietinbank
8	Lương Ngọc Huân	145D4802010100	56K2	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	172475463	0979088082	107004773656	Vietinbank
9	Lê Tiến Đạt	155D4802010060	56K3	Con thương binh 3/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187606320	1673421860	106002060090	Vietinbank
10	Bùi Xuân Huy	155D4802010170	56K3	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187535263	966966146	108001492064	Vietinbank
11	Lương Văn Tiến	155D4802010208	56K3	DTTS hộ cận nghèo	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187560251	1689002054	107002842986	Vietinbank
12	Nguyễn Thị Mai	155D4802010199	56K4	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	184287585	984431098	102002520008	Vietinbank
13	Bùi Đức Truyền	155D4802010204	56K4	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187674519	0977547242	106002520031	Vietinbank
14	Lô Quốc Ngọc	155D4802010100	56K4	DTTS, VĐBK	Giảm 70%	Thái	742,000	5	3,710,000	187518193	0981491252	101002520012	Vietinbank
15	Chu Trí Đức	165TDV200280	57K1	Con người bị TNLD	Giảm 50%		530,000	5	2,650,000	187624252	0967311940	100003004730	Vietinbank
16	Trần Ngọc Anh Tuấn	165TDV200406	57K1	Con thương binh 2/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187406205	01634391906	108007051503	Vietinbank
17	Phan Kim Hòa	165TDV200128	57K2	Con thương binh 3/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187585741	0964696420	103002622519	Vietinbank
18	Nguyễn Việt Toàn	165TDV200018	57K2	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	184339205	0941172085	105003634406	Vietinbank
19	Hoàng Công Pháp	165TDV200403	57K2	Con người bị TNLD	Giảm 50%		530,000	5	2,650,000	187574832	0987278896	100003634401	Vietinbank
20	Lê Việt Hoàng	165TDV200473	57K3	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	184266806	01656143579	105003634421	Vietinbank
21	Trần Hoài Ước	165TDV200052	57K3	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	184266806	01682201090	100003634438	Vietinbank
22	Phan Trọng Quyết	165TDV200169	57K3	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	184298378	1647863939	106002913264	Vietinbank
23	Vương Thái Quân	1755248020100014	58K1	Con thương binh 3/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	184118338	0919591646	108867592497	Vietinbank
24	Dương Trí Phong	1755248020100033	58K1	Con người bị TNLD	Giảm 50%		530,000	5	2,650,000	184353891	01627776685	104867592491	Vietinbank
25	Nguyễn Hữu Thái	1755248020100004	58K1	Con người bị TNLD	Giảm 50%		530,000	5	2,650,000	187587176	01652609986	107867592504	Vietinbank
26	Lê Văn Khang	1755248020100037	58K1	Khuyết tật - Hộ nghèo	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187823202	01626661933	104867592477	Vietinbank
27	Lê Tiến Thế	1755248020100005	58K2	SV khuyết tật hộ cận nghèo	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187755967	0367609284	100867592565	Vietinbank
28	Vì Văn Bảy	1755248020100088	58K3	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	1,060,000	5	5,300,000	187774308	01664772338	100867592580	Vietinbank
29	Nguyễn Đức Thắng	1755248020100094	58K3	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187842515	01235542299	101867592622	Vietinbank
30	Và Bá Pênh	1755248020100108	58K3	DTTS hộ nghèo	Miễn	H"mông	1,060,000	5	5,300,000	187694944	01693238210	107867592614	Vietinbank

31	Ngân Văn Thiện	1755248020100188	58K4	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	1,060,000	5	5,300,000	187773752	01669936425	108867592677	Vietinbank
32	Lương Hữu Quyết	18574802010154	59K1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	1,060,000	5	5,300,000	187784576	0981214057	102869107831	Vietinbank
33	Vĩ Văn Dũng	18574802010132	59K1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	1,060,000	5	5,300,000	187568372	01662671115	102869107807	Vietinbank
34	Nguyễn Trương Duy Tuấn	18574802010052	59K1	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187841609	0922314704	105869108019	Vietinbank
35	Thái Anh Đức	18574802010081	59K1	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%		530,000	5	2,650,000	187863376	0965150327	102869436802	Vietinbank
36	Hoàng Đình Đức Hiếu	18574802010067	59K2	Con người HDKC nhiệm CDHH	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187727711	0974122470	104869107854	Vietinbank
37	Trần Văn Quyền	19574802010166	60K1	Con bệnh binh 2/3	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187892587	0368825167	106870845538	Vietinbank
38	Trần Hữu Trung	19574802010017	60K1	Con thương binh 2/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	184256800	0966138996	109870845550	Vietinbank
39	Vĩ Đức Thú	19574802010266	60K1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	1,060,000	5	5,300,000	187479615	0339673345	102003044899	Vietinbank
40	Lê Thị Thu Trà	19574802010139	60K2	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187800939	0945788917	100870845644	Vietinbank
							Tổng tiền:		39,432,000			197,160,000	

Ấn định danh sách miễn 34 SV, giảm 70% 1 SV, giảm 50% 05 SV

Ngành: Công nghệ kỹ thuật ô tô

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền d/tháng	Số tháng	Số tiền d/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Hồ Ngọc Hào	18575102050042	59K	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	184377666	01666373231	101869192756	Vietinbank
2	Phạm Sỹ Hiệp	19575102050037	60K	Con Mồ Côi	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187761305	982671861	108870845958	Vietinbank
							Tổng tiền:		2,120,000			10,600,000	

Ấn định danh sách miễn 02 sinh viên.

Ngành: Kỹ thuật điện, điện tử

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền d/tháng	Số tháng	Số tiền d/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Lô Mạnh Hùng	155D5103010081	56K2	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	1,060,000	5	5,300,000	187474950	1654233832	108002626440	Vietinbank
2	Nguyễn Văn Thắng	155D5103010036	56K2	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187441725	01627590971	100002626423	Vietinbank
3	Ngân Văn Tỉnh	165TDV200054	57K	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	1,060,000	5	5,300,000	187683872	01687650098	104003634271	Vietinbank
4	Nguyễn Quang Nghĩa	165TDV200157	57K	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	184318160	0985800504	102003634258	Vietinbank
5	Mạnh Đức Lộc	165TDV200433	57K	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187758957	01629594545	103003762961	Vietinbank
6	Nguyễn Cảnh Việt	165TDV200005	57K	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	742,000	5	3,710,000	187513098	01674118958	107003634278	Vietinbank
7	Lộc Văn Quyết	165TDV200007	57K	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	1,060,000	5	5,300,000	187756022	01656281188	106003634254	Vietinbank
8	Lê Hoàng Lâm	165TDV200112	57K	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	184242585	1652109876	104867641722	Vietinbank
9	Lê Văn Hà	1755251030100069	58K	Con thương binh 3/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	184360219	0968315702	108867641703	Vietinbank
10	Tô Vĩnh Anh	1755251030100012	58K	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	184322124	0942708956	108869192661	Vietinbank
11	Hà Văn Hưng	18575103010045	59K	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187832556	0888086536	108869192678	Vietinbank
12	Phan Bá Dũng	18575103010017	59K	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	184322124	0942708956	108869192661	Vietinbank
13	Cao Huy Công	18575103010017	59K	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187715688	01665032787	103869192660	Vietinbank
							Tổng tiền:		13,462,000			67,310,000	

Ấn định danh sách miễn 12 SV, giảm 70% 01 SV

Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền d/tháng	Số tháng	Số tiền d/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Hoàng Đức Anh	155D5202160051	56K2	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187441348	01666931595	100002626545	Vietinbank
2	Ngô Võ Đại Thắng	155D5202160019	56K2	Con người HDKC nhiệm CDHH	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187621036	0977134146	106002626606	Vietinbank
3	Cao Bá Sơn	155D5202160076	56K2	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	Thở	1,060,000	5	5,300,000	187628288	01682863871	107002626599	Vietinbank
4	Phạm Đức Cường	165TDV200256	57K	Con bệnh binh 2/3	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	184350439	01637665445	105003399050	Vietinbank
5	Nguyễn Thế Tài	165TDV200315	57K	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187728400	0169744741	107003634355	Vietinbank
6	Nguyễn Duy Tý	1755252021600043	58K	Con Bệnh binh 3/3	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187729553	01653148797	105867641830	Vietinbank
7	Phan Tuấn Đức	1755252021600018	58K	Con Bệnh binh 2/3	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187796794	01692050677	107867641801	Vietinbank

8	Nguyễn Tiến Đạt	18575202160006	59K	Con Bệnh binh 2/3	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187847612	0869627100	106869192712	Vietinbank
9	Phạm Quang Vinh	18575202160018	59K	Con thương binh 1/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187759295	01882060382	107869192748	Vietinbank
10	Trần Văn Tiến	19575202160004	60K	Con thương binh 3/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187855418	0347887552	109870845972	Vietinbank

Ấn định danh sách miễn 10 sinh viên.

Tổng tiền: 10,600,000 53,000,000

Ngành: Kỹ thuật điện tử truyền thông

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền d/tháng	Số tháng	Số tiền d/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Trương Văn Huy	155D5202072001	56K	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thỏ	1,060,000	5	5,300,000	187377866	0964226934	102002675597	Vietinbank
2	Hoàng Quỳnh Trang	155D5202070002	56K	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187698922	01634981868	106002098757	Vietinbank
3	Đặng Hồng Quân	1755252020700006	58K	Tàn tật, hộ cận nghèo	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187812743	01637666602	107867641783	Vietinbank
4	Phan Thành Đạt	19575202070008	60K	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187895738	0931392289	108870845876	Vietinbank

Ấn định danh sách miễn: 04 SV.

Tổng tiền: 4,240,000 21,200,000

Ấn định danh sách toàn Viện miễn 62 SV, giảm 70% 2 SV, giảm 50% 5 SV.

Tổng tiền: 69,854,000 349,270,000

3. VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN

Ngành: QLTN và Môi trường

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền d/tháng	Số tháng	Số tiền d/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Nguyễn Thị Minh Châu	18578501010005	59K	Con thương binh 4/4	Miễn	Kinh	890,000	5	4,450,000	187757814	01664871815	105869089878	Vietinbank
2	Moong Văn Phong	19578501010007	60K	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Kinh	890,000	5	4,450,000	187712526	0856113354	107870845837	Vietinbank
3	Thò Bá Giồng	19578501010010	60K	DTTS Hộ nghèo	Miễn	H'Mông	890,000	5	4,450,000	187830194	0919815651	101870845860	Vietinbank
4	Và Bá Thò	19578501010002	60K	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	H'Mông	623,000	5	3,115,000	187930713	0383944704	106870845841	Vietinbank

Ấn định danh sách miễn: 03 SV, giảm 70%: 01 SV.

Tổng tiền: 3,293,000 16,465,000

Ngành: Quản lý đất đai

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền d/tháng	Số tháng	Số tiền d/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Vừ Bá Hòa	165TDV300006	57K	DTTS Hộ nghèo	Miễn	H'Mông	890,000	5	4,450,000	187695250	1665350175	106003665250	Vietinbank
2	Lô Văn Toàn	165TDV300012	57K	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187773864	987461831	107003665274	Vietinbank
3	Vi Thị Bích Huệ	19578501030002	60K	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187866721	0368357511	103870924968	Vietinbank

Ấn định danh sách miễn: 03 SV

Tổng tiền: 2,670,000 13,350,000

Ngành: Nuôi trồng thủy sản

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền d/tháng	Số tháng	Số tiền d/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Xông Bá Hà	165TDV300077	57K	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	H'Mông	623,000	5	3,115,000	187693004	0962242761	107003789091	Vietinbank
2	Lữ Văn Tới	165TDV300094	57K	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187503469	0945559653	108003783236	Vietinbank
3	Ngô Ngọc Quý	19576203010020	60K	Con bệnh binh 2/3	Miễn		890,000	5	4,450,000	174852284	0337473548	101870849976	Vietinbank

Ấn định danh sách miễn 01 SV, giảm 70% 02 SV.

Tổng tiền: 2,136,000 10,680,000

Ngành: Nông học

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền d/tháng	Số tháng	Số tiền d/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Lầu Bá Cha	165TDV300085	57K	DTTS, vùng ĐBKK	Giảm 70%	H'Mông	623,000	5	3,115,000	187779001	0379487227	102003665239	Vietinbank
2	Lương Thị Doan	165TDV300003	57K	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187626109	1665350175	106003665262	Vietinbank
3	Quang Văn Tám	165TDV300076	57K	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187626153	01665350175	103003790290	Vietinbank
4	Vi Văn Dương	165TDV300005	57K	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187640210	9874618831	102003665266	Vietinbank
5	Cut Văn Nhiệm	165TDV300075	57K	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	890,000	5	4,450,000	187695931	01692776603	108003790301	Vietinbank

6	Lang Thanh Đông	165TDV300091	57K	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187672195	01655526774	105003665263	Viettinbank
7	Lý Bá Xanh	165TDV300090	57K	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	H'Mông	623,000	5	3,115,000	187567302	1699441297	109003780987	Viettinbank
8	Phạm Thị Tươi	165TDV300083	57K	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	184254942	1687854040	109003665245	Viettinbank
9	Vì Thị Bích	1755262010900009	58K	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Đan lai	890,000	5	4,450,000	187671468	1299457013	107867606749	Viettinbank
10	Hà Văn Công	1755262010900003	58K	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187830566	0941785945	100867606746	Viettinbank
11	Lâu Y Dĩnh	19576201090001	60K	DTTS Hộ nghèo	Miễn	H'Mông	890,000	5	4,450,000	187867219	0812790797	103870845829	Viettinbank
12	Lô Văn Đình	19576201090007	60K	DTTS Hộ nghèo	Miễn	H'Mông	890,000	5	4,450,000	187940386	0855158184	101870845833	Viettinbank
13	Lương Thị Hoài Nam	19576201090004	60K	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187841622	0356927853	105870845827	Viettinbank
14	Lâu Bá Rê	19576201090011	60K	DTTS Hộ nghèo	Miễn	H'Mông	890,000	5	4,450,000	187865811	0856510750	104870845830	Viettinbank
15	Vừ Y Kia	19576201090002	60K	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	H'Mông	623,000	5	3,115,000	187866735	0948626133	104870845828	Viettinbank
16	Vì Thị Thanh Thủy	19576201090009	60K	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187838984	0843156086	100870845834	Viettinbank
Tổng tiền:							12,905,000		64,525,000				

Ấn định danh sách miễn 11 SV; giảm 70% 05 SV

Ngành: Chăn nuôi

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Trương Thị Phiến	1755262010500001	58K	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187643769	1253229670	106867606737	Viettinbank
2	Lương Văn Mạnh	1755262010200002	58K	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187671274	944856127	104867606739	Viettinbank
3	Vì Thị Ngân	19576201050007	60K	Con mồ côi cha mẹ	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187837009	0946735796	102870924969	Viettinbank
Tổng tiền:							2,403,000		12,015,000				
							23,407,000		117,035,000				

Ấn định danh sách miễn 02 SV; giảm 70% 01 SV

Ấn định danh sách toàn Viện miễn 20 SV; giảm 70%: 9 SV.

4. KHOA GIÁO DỤC

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Nguyễn Thu Hằng	1755214011400021	58B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thổ	890,000	5	4,450,000	187644580	0972892810	101867694845	Viettinbank
2	Cút Thị Chiến	1755214011400031	58B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Khơ mú	890,000	5	4,450,000	187694957	01647756713	105867694841	Viettinbank
3	Chương Hồng Mi	18571401140007	59B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187930680	0976382726	109869107604	Viettinbank
4	Nguyễn Thị Thanh Sơn	18571401140003	59B	Con bệnh binh 2/3	Miễn		890,000	5	4,450,000	187799792	01683436206	106869107607	Viettinbank
5	Sâm Thị Nhiên	19571401140023	60B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187785526	0852557301	104870785545	Viettinbank
6	Trương Thị Nương	19571401140014	60B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187786748	0392868545	102870785547	Viettinbank
7	Nguyễn Thị Tâm	19571401140011	60B	Con bệnh binh 2/3	Miễn		890,000	5	4,450,000	187855048	0336969024	100870785549	Viettinbank
Tổng tiền:							6,230,000		31,150,000				

Ấn định danh sách toàn khoa miễn 07 SV.

5. VIỆN CÔNG NGHỆ HÓA SINH MÔI TRƯỜNG

Ngành: Công nghệ Thực phẩm

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Trịnh Thị Hải	155D5401010024	56K1	Con người HDK nhiễm CDHH	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187533615	1663835796	107001456802	Viettinbank
2	Tăng Thị Hằng	155D5401010061	56K1	Con thương binh 3/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187702428	1652263578	105002114246	Viettinbank
3	Hồ Thị Mỹ	155D5401010063	56K2	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	184263621	972576359	109002562612	Viettinbank
4	Đinh Thị Thu Uyên	165TDV200106	57K	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187792240	01657782345	106003634309	Viettinbank
5	Nguyễn Sỹ Anh Quốc	1755254010100025	58K	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187782589	01688303800	100867628258	Viettinbank
6	Trần Thị Xuân Trà	1755254010100040	58K	Con người bị TNLD	Giảm 50%		530,000	5	2,650,000	187696085	01656402401	100867628273	Viettinbank
7	Moong Thị Lam	18577203010011	59K	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Khơ mú	1,060,000	5	5,300,000	187783405	01647572028	104869192918	Viettinbank
Tổng tiền:							6,890,000		34,450,000				

Ấn định danh sách miễn 06 SV, giảm 50% 01 SV

Ngành: Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền d/tháng	Số tháng	Số tiền d/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Trần Vũ Thùy Linh	19577203010031	60B	Con người bị TNLD	Giảm 50%		530,000	5	2,650,000	184430087	0335352658	109870845780	Vietinbank
2	Lâu Y Là	19577203010039	60B	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	1,060,000	5	5,300,000	187865284	0847371636	102870845787	Vietinbank
3	Nguyễn Xuân Út	19577203010001	60B	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187811915	0845005012	102870845750	Vietinbank
An định danh sách miễn 02 SV, giảm 50% 01 SV							Tổng tiền:	2,650,000	13,250,000				
An định danh sách toàn Viện miễn 8 SV, giảm 50% 02 SV							Tổng tiền:	9,540,000	47,700,000				

6. KHOA KINH TẾ

Ngành: Kinh tế đầu tư

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền d/tháng	Số tháng	Số tiền d/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Xông Bá Chải	1755262011500002	58B1	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187692923	1675238326	105867555040	Vietinbank
2	Cút Văn Dậu	1755262011500005	58B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	890,000	5	4,450,000	187475036	1664345483	104867649246	Vietinbank
3	Cút Văn Chơ	165TDV100663	57B1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Khơ Mú	890,000	5	4,450,000	187474709	0961224835	107003634156	Vietinbank
4	Nguyễn Đình Ngọc	165TDV100559	57B1	Con thương binh hạng 3/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187575165	01639106699	109003634142	Vietinbank
5	Vĩ Huyền Trang	18573101010046	59B1	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187770148	0948979384	103003779928	Vietinbank
6	Phan Tô Trang	19573101010018	60B	Con người bị TNLD	Giảm 50%		445,000	5	2,225,000	187899417	0384764026	107870864123	Vietinbank
7	Hoàng Văn Tiến	19573101010050	60B	Con người bị TNLD	Giảm 50%		445,000	5	2,225,000	187715724	0948803145	109870864121	Vietinbank
An định danh sách miễn 03 SV, giảm 70% 02 SV, giảm 50% 02 SV.							Tổng tiền:	4,806,000	24,030,000				

Ngành: Kế toán

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền d/tháng	Số tháng	Số tiền d/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Nguyễn Thị Thái	1755234030100273	58B1	Con người HDKC nhiệm CDHH	Miễn		890,000	5	4,450,000	187823160	01258520115	101867554985	Vietinbank
2	Võ Thị Châu	1755234030100007	58B2	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187594611	01292086099	106867556609	Vietinbank
3	Trần Thị Hồng Ngọc	1755234030100023	58B2	Con bệnh binh 2/3	Miễn		890,000	5	4,450,000	184385455	0971447675	105867556640	Vietinbank
4	Kiều Lê Ngọc Diệp	1755234030100041	58B3	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	184362093	01253971706	101867568834	Vietinbank
5	Dương Đình Thắng	1755234030100209	58B3	Con thương binh 3/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187758149	0981454154	105867568867	Vietinbank
6	Lê Thị Thanh	1755234030100219	58B5	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187755917	01676391101	107867569455	Vietinbank
7	Đào Thị Kim Ngân	1755234030100356	58B6	con mồ côi cha mẹ	Miễn		890,000	5	4,450,000	184322891	1652816613	103867569504	Vietinbank
8	Phan Thị Thu Hoài	1755234030100473	58B8	Con người bị TNLD	Giảm 50%		445,000	5	2,225,000	187587372	01686655008	102867570317	Vietinbank
9	Lê Thị Trà Giang	1755234030100483	58B8	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187762567	0968165646	103867570303	Vietinbank
10	Trương Thị Thơ	1755234030100489	58B9	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	Thổ	890,000	5	4,450,000	187642589	01665233676	102867649056	Vietinbank
11	Phan Thị Thủy Tiên	165TDV100176	57B3	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	184323758	0918945558	101003633887	Vietinbank
12	Đào Thị Minh Phương	165TDV100195	57B3	Con người HDKC nhiệm CDHH	Miễn		890,000	5	4,450,000	187757015	01643003004	101003128644	Vietinbank
13	Thái Thị Hạnh	165TDV100107	57B2	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	184342296	01646832345	102003633822	Vietinbank
14	Phạm Thị Lài	165TDV100222	57B4	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187409432	0974043749	105003633901	Vietinbank
15	Nguyễn Hữu Phước	165TDV100209	57B4	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	164260811	01649941188	107003633912	Vietinbank
16	Nguyễn Thị Hương	165TDV100012	57B6	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	184328371	0969518455	105003032926	Vietinbank
17	Nguyễn Chí Thành	165TDV100651	57B7	Con người bị TNLD	Giảm 50%		445,000	5	2,225,000	187756720	0949429958	109003634018	Vietinbank
18	Nguyễn Thị Cẩm Tú	165TDV100727	57B7	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	184269138	01634557717	103003634026	Vietinbank
19	Nguyễn Thị Thanh Tâm	165TDV100557	57B7	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187789752	01646153969	100003634017	Vietinbank
20	Hoàng Thị Hà Nhi	165TDV100686	57B8	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	184317707	01639615902	104003634052	Vietinbank
21	Nguyễn Thị Hằng	165TDV100671	57B8	Con bệnh binh 2/3	Miễn		890,000	5	4,450,000	174918905	1687775569	103003634041	Vietinbank

22	Lô Lâm Khang	165TDV100105	57B2	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187515149	01648502244	108003633826	Vietinbank
23	Lương Thị Minh Hà	165TDV100609	57B7	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187517340	01665686169	107003634010	Vietinbank
24	Đoàn Thương Thương	165TDV100295	57B8	Con người HDKC nhiệm CDHH	Miễn		890,000	5	4,450,000	187636519	01645833434	101003634070	Vietinbank
25	Vương Thị An	165TDV100180	57B9	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	184341305	01632459111	106003633925	Vietinbank
26	Hoàng Tùng	1755234030100130	58B4	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	184321764	0983338508	108867568947	Vietinbank
27	Lương Hoài Nhi	1755234030100243	58B4	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187666363	0966544675	103867568927	Vietinbank
28	Trần Thị Huyền Trang	1755234030100114	58B4	Con người bị TNLD	Giảm 50%		445,000	5	2,225,000	187801416	0969698158	100867568945	Vietinbank
29	Võ Thị Khánh Huyền	18573403010144	59B1	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187848304	0941198019	104869241232	Vietinbank
30	Lang Thị Tiên	18573403010214	59B1	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187832815	01648832801	107869241254	Vietinbank
31	Hồ Dương Nguyệt Ánh	18573403010212	59B1	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187845869	0973359661	101869241211	Vietinbank
32	Nguyễn Thị Vân	18573403010141	59B1	Con bệnh binh 2/3	Miễn		890,000	5	4,450,000	187872051	0944573829	109869241264	Vietinbank
33	Phạm Ngọc Hằng	18573403010215	59B1	Con người bị TNLD	Giảm 50%		445,000	5	2,225,000	187757597	01656136258	102869241222	Vietinbank
34	Sử Thị Út Loan	18573403010258	59B2	Con thương binh 3/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	184345714	0968130775	108869241375	Vietinbank
35	Phạm Thị Thắm	18573403010216	59B2	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	184413356	0382930912	100869241397	Vietinbank
36	Lưu Kiều Linh	18573403010384	59B2	Con người bị bệnh NN	Giảm 50%		445,000	5	2,225,000	187829309	0986798464	103869280297	Vietinbank
37	Phan Thị Thanh Phương	18573403010440	59B3	Con thương binh 2/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187855805	01675429708	106869205057	Vietinbank
38	Nguyễn Kim Luyến	18573403010211	59B4	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187777769	01292312926	102869205119	Vietinbank
39	Hoàng Thị Hồng Quyên	18573403010327	59B4	Khuyết tật, HCN	Miễn		890,000	5	4,450,000	187708877	0392418563	104869205129	Vietinbank
40	Nguyễn Thị Phương	18573403010436	59B5	Con bệnh binh 3/3	Miễn		890,000	5	4,450,000	184390835	0826543081	108869205189	Vietinbank
41	Trần Thị Khánh Linh	18573403010513	59B6	Con bệnh binh 2/3	Miễn		890,000	5	4,450,000	184382511	01639897846	102868732604	Vietinbank
42	Lô Thị Kim Xuyên	18573403010496	59B6	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187776497	0814102512	100869280346	Vietinbank
43	Tân Nguyễn Hoàng Anh	18573403010569	59B6	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187757471	0966788817	107869280254	Vietinbank
44	Vũ Minh Thư	18573403010511	59B6	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187837783	0964630868	106869205251	Vietinbank
45	Nguyễn Thị Mơ	18573403010565	59B8	Con người HDKC nhiệm CDHH	Miễn		890,000	5	4,450,000	1877764497	0814102512	107869280390	Vietinbank
46	Đặng Thùy Trang	18573403010355	59B8	Con bệnh binh 2/3	Miễn		890,000	5	4,450,000	187819260	0333015400	103869205363	Vietinbank
47	Lê Thị Khánh Huyền	18573403010019	59B7	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thô	623,000	5	3,115,000	187369264	0868342147	107006995265	Vietinbank
48	Trần Thị Ngọc	19573403010332	60B1	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187874304	0387282611	103870814996	Vietinbank
49	Lộc Kim Chi	19573403010478	60B1	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		890,000	5	4,450,000	187761656	0964464660	107870815024	Vietinbank
50	Vì Thị Thống Nhất	19573403010496	60B2	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187771977	0389375206	109870924962	Vietinbank
51	Dương Thị Ngọc Ánh	19573403010009	60B3	Con người bị TNLD	Giảm 50%		445,000	5	2,225,000	187871992	0384079740	106870815077	Vietinbank
52	Nguyễn Đức Mạnh	19573403010181	60B4	Con người bị TNLD	Giảm 50%		445,000	5	2,225,000	187827261	0394808737	108870815157	Vietinbank
53	Hoàng Lê Quỳnh Như	19573403010215	60B6	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	184439232	0329176733	107870815270	Vietinbank
54	Tăng Thị Phương	19573403010215	60B6	Con thương binh 3/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187872188	0385685405	103870815274	Vietinbank
55	Lương Thị Huyền Trang	19573403010453	60B7	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187879046	0982665820	100870384407	Vietinbank
56	Lữ Thị Đàm	19573403010231	60B7	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187931810	0368747263	107870815300	Vietinbank
57	Lô Thị Cẩm Tú	19573403010462	60B7	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187879618	0818940789	107870815352	Vietinbank
58	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	19573403010421	60B7	Con người HDKC nhiệm CDHH	Miễn		890,000	5	4,450,000	187880831	0974470234	109870815323	Vietinbank
59	Lô Thị Lan Anh	19573403010035	60B8	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187712575	0363307133	100870815361	Vietinbank
60	Lang Thị Trang	18573403010176	60B8	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187767525	0975527172	102870815414	Vietinbank

Ấn định danh sách miễn 46 SV, giảm 70% 07 SV, giảm 50% 07 SV.

Tổng tiền:

48,416,000

242,080,000

Ngành: Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Trần Thị Mỹ Linh	165TDV100293	57B1	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	184315497	01668174217	100003634178	Vietinbank
2	Nguyễn Lương An	165TDV100485	57B2	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187697821	0965588418	105003634203	Vietinbank
3	Lục Thị Oanh	165TDV100597	57B2	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187523719	01664576644	100002967733	Vietinbank
4	Hà Thị Thanh Dung	165TDV100603	57B2	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187760295	01693323580	103003762922	Vietinbank

5	Bùi Thị Thu Giang	1755234010100075	58B1	Con thương binh 3/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	184361248	0943540031	102867556560	Vietinbank
6	Trần Thị Trà My	1755234010100092	58B2	Con bệnh binh 1/3	Miễn		890,000	5	4,450,000	187818615	0965942907	108867568046	Vietinbank
7	Đặng Thị Hồng Hạnh	18573401010160	59B1	Con người HDKC nhiễm CDHH	Miễn		890,000	5	4,450,000	187895327	0382148574	106869280421	Vietinbank
8	Bùi Thị Quỳnh Trang	18573401010038	59B1	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Mường	890,000	5	4,450,000	187841487	0374879003	109869241347	Vietinbank
9	Nguyễn Mậu Đông	18573401010092	59B2	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	184371815	0969567628	105869241422	Vietinbank
10	Nguyễn Văn Thanh	18573401010113	59B3	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	Thổ	890,000	5	4,450,000	187879263	01642427411	103869241297	Vietinbank
11	Trần Thanh Hải	18573401010049	59B3	Con thương binh 3/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	184346475	0968068766	101869241318	Vietinbank
12	Phạm Thị Phương	19573401010059	60B2	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187925859	0394111782	105870815532	Vietinbank
13	Phan Văn Công	19573401010162	60B2	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187825308	0335034253	100870815494	Vietinbank
14	Phan Thị Hoa Hồng	19573401010058	60B2	Con bệnh binh 2/3	Miễn		890,000	5	4,450,000	184398746	0942422065	101870815509	Vietinbank
15	Phạm Đức Linh Đề	19573403010163	60B2	Con bệnh binh 2/3	Miễn		890,000	5	4,450,000	184185669	0905736013	100870815500	Vietinbank
16	Lữ Thị Hải	19573401010148	60B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187903545	0855135193	107870815503	Vietinbank
17	Lô Tân Thủy	19573401010045	60B2	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187836696	0945823987	108870815539	Vietinbank
18	Nguyễn Thị Thanh Bình	19573401010214	60B2	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	037301001256	0339524832	104870924970	Vietinbank
19	Nguyễn Thị Thủy Ngân	19573401010178	60B3	Con người HDKC nhiễm CDHH	Miễn		890,000	5	4,450,000	187898006	0962763327	107870863994	Vietinbank

Ấn định danh sách miễn 17 SV, giảm 70% 02 SV.

Tổng tiền: 16,376,000 81,880,000

Ngành: Tài chính ngân hàng

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền d/tháng	Số tháng	Số tiền d/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Nguyễn Thị Trà My	17552340201-200040	58B1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187558950	01252311641	109867860028	Vietinbank
2	Hoàng Hữu Trọng	165TDV100322	57B	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		890,000	5	4,450,000	187790178	0945734319	107003634117	Vietinbank
3	Lương Thị Linh Chi	165TDV100542	57B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn		890,000	5	4,450,000	187517326	01658001005	102003634079	Vietinbank
4	Lương Văn Duy	165TDV100276	57B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	174939096	01626248425	103003073557	Vietinbank
5	Sầm Thị Thủy Linh	18573402010064	59B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187642398	0965055432	104003796227	Vietinbank
6	Nguyễn Thị Cẩm Tú	18573402010030	59B	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187819160	01662433149	105867853476	Vietinbank
7	Hoàng Nghĩa Thành	18573402010072	59B	Con người bị TNLD	Giảm 50%		445,000	5	2,225,000	187845408	01643109462	101869205461	Vietinbank
8	Đặng Thị Vinh	19573402010052	60B2	Con bệnh binh 2/3	Miễn		890,000	5	4,450,000	187898358	0393182221	102870864073	Vietinbank

Ấn định danh sách miễn 07 SV, giảm 50% 01 SV.

Tổng tiền: 6,675,000 33,375,000

Ấn định danh sách trong toàn khoa: miễn 73 SV, giảm 70% 11 SV, Giảm 50% 10 SV.

Tổng tiền: 76,273,000 381,365,000

7. KHOA LUẬT

Ngành: Luật học

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Dân tộc	Số tiền d/tháng	Số tháng	Số tiền d/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Đặng Thị Hương Giang	165TDV400609	57B1	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	197368158	01698409898	108003634800	Viettin bank
2	Lê Thị Tinh	165TDV400590	57B1	Con thương binh 2/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	174912711	01632563364	104002022692	Viettin bank
3	Chá A Chinh	165TDV400614	57B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Mông	890,000	5	4,450,000	04728913	0943657561	100003634792	Viettin bank
4	Hoàng Bảo Thượng	165TDV400630	57B1	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Nùng	623,000	5	3,115,000	082319730	0964785002	105003634828	Viettin bank
5	Lô Văn Dũng	165TDV400620	57B1	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Nùng	623,000	5	3,115,000	187692477	0965214585	107003634795	Viettin bank
6	Đào Linh Trang	165TDV400333	57B1	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187606977	0966788658	107002060242	Viettin bank
7	Nông Thị Kiều	165TDV400101	57B1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Tày	890,000	5	4,450,000	85907890	164304329	105003657302	Vietinbank
8	Hiền Thị Tuyết	165TDV400561	57B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Gié-Triêng	890,000	5	4,450,000	206051062	1657541526	107003634744	Viettin bank
9	Hồ Thị Trúc Ly	165TDV400604	57B1	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Co	623,000	5	3,115,000	212806953	0349568908	4504205033635	Viettin bank
10	Hoàng Thị Hà	165TDV400324	57B2	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187504583	963739914	108003634537	Viettin bank
11	Lô Thành Công	165TDV400519	57B2	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	051069331	01664720820	105003634530	Viettin bank
12	Lữ Thị Huyền	165TDV400195	57B3	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	175008787	0985580191	101003634574	Viettin bank

13	Ngô Anh Thủy	165TDV400013	57B3	Con bệnh binh 2/3	Miễn	Kinh	890,000	5	4,450,000	174913154	01682118962	108003073167	Viettin bank
14	Mùa A Thông	165TDV400559	57B3	DTTS hộ nghèo	Miễn	Mông	890,000	5	4,450,000	051054092	01628764499	105003762899	Viettin bank
15	Lô Thị May Thắm	165TDV400450	57B3	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187631196	0339657923	103003634596	Viettin bank
16	Đặng Thị Thanh Thảo	165TDV400219	57B4	Con người bị TNLD	Giảm 50%		445,000	5	2,225,000	197380266	0905490868	101003634629	Viettin bank
17	Vì Thị Kim Chi	165TDV400312	57B5	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187517376	0966353600	103003634642	Viettin bank
18	Đỗ Đức Thu Hiền	1755238010100196	58B1	Con thương binh 3/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187753305	0912630205	108867576487	Vietinbank
19	Lang Thế Kiệt	1755238010100205	58B1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187671193	01638395817	109867589940	Vietinbank
20	Hoàng Đức Mạnh	1755238010100271	58B1	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	051099026	0965886019	107867649216	Vietinbank
21	Thào A Lành	1755238010100236	58B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	890,000	5	4,450,000	040582862	01646682455	104867562622	Vietinbank
22	Lầu Bá Khùa	1755238010100244	58B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	890,000	5	4,450,000	187693059	0373757212	105867523479	Vietinbank
23	Đặng Tổ Thắng	1755238010100227	58B2	Con thương binh 1/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187713770	01242789744	105867586500	Vietinbank
24	Lê Huỳnh Tấn Sang	1755238010100170	58B2	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187818434	01238100249	106867586493	Vietinbank
25	Vì Thị Linh Thảo	1755238010100015	58B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187643803	0967848640	103867586502	Vietinbank
26	Hồ Thị Mai	1755238010100053	58B2	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187734729	0988355624	106867586481	Vietinbank
27	Bùi Ngọc Ánh	1755238010100094	58B2	Con người bị TNLD	Giảm 50%	Kinh	445,000	5	2,225,000	101294641	01652007019	106867586454	Vietinbank
28	Phạm Thị Khánh Huyền	1755238010100161	58B3	Con bệnh binh 2/3	Miễn		890,000	5	4,450,000	187704853	0975886917	102867589237	Vietinbank
29	Trần Thị Lan	1755238010100267	58B3	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	1841103324	01653208246	102867589240	Vietinbank
30	Nguyễn Thanh Lâm	1755238010100260	58B3	Con bệnh binh 2/3	Miễn	Kinh	890,000	5	4,450,000	187594909	01205480514	100867589239	Vietinbank
31	Phạm Quang Huy	1755238010100074	58B3	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	174939160	0362998320	107867589232	Vietinbank
32	Cầm Bá Tùng	1755238010100115	58B3	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	03809900872	0384804015	108867584268	Vietinbank
33	Vũ A Chung	185523801015001	58B3	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Mông	623,000	5	3,115,000	040901647	0358075966	102870919878	Vietinbank
34	Sùng A Tả	185523801015002	58B3	DTTS hộ nghèo	Miễn	Mông	890,000	5	4,450,000	040630915	0823750998	103870924971	Vietinbank
35	Lô Thị Sen	1755238010100198	58B4	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187569630	0961812015	106867589967	Vietinbank
36	Lô Văn Danh	1755238010100114	58B4	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Khơ mú	623,000	5	3,115,000	187779866	0348085358	109867589925	Vietinbank
37	Trần Thị Khánh Huyền	1755238010100284	58B5	Con thương binh 3/4	Miễn	Kinh	890,000	5	4,450,000	184340789	0918519175	107867589979	Vietinbank
38	Nguyễn Thị Yến	1755238010100134	58B5	Con thương binh 3/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187802069	01684011655	3607205367059	Agribank
39	Hà Văn Thái	1755238010100101	58B5	DTTS hộ nghèo	Miễn	Mường	890,000	5	4,450,000	175071042	01693631239	101003030359	Vietinbank
40	Hoàng Văn Trọng	1755238010100047	58B5	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Tày	623,000	5	3,115,000	085043826	01644127469	100867590009	Vietinbank
41	Lô Văn Tư	1755238010100217	58B5	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	051009708	01637977635	105867589983	Vietinbank
42	Cút Thị Văn	1755238010100098	58B5	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Khơ mú	623,000	5	3,115,000	187781333	0888302808	109867590013	Vietinbank
43	Kha Bá Phim	18573801010092	59B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187695783	0986015090	106869107659	Vietinbank
44	Giảng A Sênh	18573801010059	59B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	051125784	0832574445	104869107649	Vietinbank
45	Sông Thị Ca	18573801010025	59B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	051071235	01633717613	108869107620	Vietinbank
46	Đặng Thành Đạt	18573801010008	59B1	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187802670	0915081691	102869107626	Vietinbank
47	Lê Thị Khánh Huyền	18573801010105	59B1	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187896245	01636919659	104869107636	Vietinbank
48	Hoàng Văn Thắng	18573801010102	59B1	Con bệnh binh 1/3	Miễn		890,000	5	4,450,000	184341836	0337781707	106869107661	Vietinbank
49	Bùi Ngọc Linh chi	18573801010038	59B1	Con người bị TNLD	Giảm 50%	Kinh	445,000	5	2,225,000	174526132	0942893926	105869107623	Vietinbank
50	Lô Văn Kiên	18573801070104	59B1	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	H'Mông	623,000	5	3,115,000	040901674	0943187842	102869107707	Vietinbank
51	Vũ Thị Thu Trang	18573801010072	59B1	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	H'Mông	623,000	5	3,115,000	187712543	0374156228	103869107652	Vietinbank
52	Vì Văn Ấu	18573801010003	59B1	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187767148	0347104267	106869047719	Vietinbank
53	Và Mỹ Châu	18573801010037	59B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	890,000	5	4,450,000	187657789	0943351667	106869107622	Vietinbank
54	Mùa Bá Dĩnh	18573801010083	59B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	H'Mông	890,000	5	4,450,000	187865887	01679195670	101869107711	Vietinbank
55	Hoa Thị Sơn	18573801010016	59B2	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	890,000	5	4,450,000	187695676	01293553070	100869107736	Vietinbank
56	Trần Thị Hà Thương	18573801010016	59B2	Con thương binh 4/4	Miễn	Kinh	890,000	5	4,450,000	187817170	01256770120	106869107743	Vietinbank
57	Vì Thị Hằng Nga	18573801010010	59B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187557610	0968553607	109869107725	Vietinbank
58	Lê Đức Hai Ngân	18573801010069	59B2	Con thương binh 4/4	Miễn	Kinh	890,000	5	4,450,000	187819360	0948972000	106869107728	Vietinbank
59	Lô Thị Huyền	18573801010021	59B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	174871635	0832580114	102869107722	Vietinbank
60	Nguyễn Thị Nghĩa	18573801010088	59B2	Con bệnh binh 2/3	Miễn		890,000	5	4,450,000	184377689	0962902464	105869107729	Vietinbank

61	Lương Văn Thiêm	18573801010021	59B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187837592	0393481252	109869107740	Vietinbank
62	Lê Thị Nguyệt Hà	19573801010056	60B2	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000		0384907988	106869585071	Vietinbank
63	Vàng Gi Lành	19573801010050	60B2	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	H'Mông	623,000	5	3,115,000	051053911	0396414229	108870743953	Vietinbank
64	Lương Văn Thương	19573801010085	60B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187834178	0343351659	102870924972	Vietinbank
65	Mùa Bá Chơ	19573801010033	60B	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	H'Mông	623,000	5	3,115,000	187693045	0365369773	104870743899	Vietinbank
66	Nguyễn Ngọc Quỳnh An	19573801010012	60B	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187965097	0335696982	103870743933	Vietinbank
Ấn định danh sách miễn 46 SV, giảm 70% 17 SV, giảm 50% 3 SV.							Tổng tiền:	52,866,000	264,330,000				

Ngành: Luật kinh tế

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền d/tháng	Số tháng	Số tiền d/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Lữ Thị Dung	165TDV400517	57B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187684080	01694690191	102003634643	Vietin bank
2	Mạc Thị Bình	165TDV400209	57B1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187642210	0358430044	106003634566	Vietin bank
3	Lô Thủy Trang	155D3801070149	57B1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187551441	0813830889	109002565619	Vietin bank
4	Nguyễn Thị Xuyên	165TDV400074	57 B2	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thổ	623,000	5	3,115,000	187663073	01697873294	103003634708	Vietin bank
5	Nguyễn Thị Hồng Anh	165TDV400044	57 B2	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187756656	96331998	86100 0053118	Vietcombank
6	Lê Ngọc Anh	165TDV400125	57 B2	Con thương binh 3/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187608151	1698713213	711AD0785499	Vietin bank
7	Hoàng Thị Hiền	165TDV400256	57 B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Sản chỉ	890,000	5	4,450,000	95257601	1658782207	101003645715	Vietinbank
8	Lê Thị Thủy	165TDV400549	57 B2	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187658480	0986015231	105003634706	Vietin bank
9	Hà Đức Tài	165TDV400045	57 B2	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	174939071	01668789429	104003073504	Vietin bank
10	Nguyễn Thị Gái	165TDV400137	57 B3	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	184287161	1628281211	711AD5849914	Vietin bank
11	Xông Bá Xà	165TDV400538	57 B4	DTTS hộ nghèo	Miễn	Mông	890,000	5	4,450,000	187695755	01666772762	102003634788	Vietin bank
12	Lô Thị Hậu	1755238010700010	58B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187712757	01299579456	100867576543	Vietinbank
13	Vì Thị Trang	1755238010700071	58B1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187765285	01292320464	109867576571	Vietinbank
14	Nguyễn Thị Thủy	1755238010700042	58B2	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187796115	01648494230	106867586551	Vietinbank
15	Nguyễn Minh Đức	1755238010700106	58B2	Con thương binh 3/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	184323365	0941670887	106867586512	Vietinbank
16	Quang Thị Trang	1755238010700124	58B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187774336	0967587090	100867601696	Vietinbank
17	Nguyễn Tuấn Kiệt	1755238010700097	58B3	Con thương binh 1/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187822305	0964993028	5111000048788	BIDV
18	Nguyễn Duy Hiếu	1755238010700126	58B3	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187817356	01677547963	108867589283	Vietinbank
19	Hồ Đình Thế	1755238010700173	58B4	Con thương binh 4/4	Miễn	Kinh	890,000	5	4,450,000	187260319	01649282580	106867590070	Vietinbank
20	Lô Thị Cúc	1755238010700083	58B4	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	174957953	01666641387	105867590029	Vietinbank
21	Vì Thị Thủy Linh	18573801070082	59B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187879414	0836409993	107869107685	Vietinbank
22	Nguyễn Thị Phương Thà	18573801070068	59B2	Con người bị TNLD	Giảm 50%		445,000	5	2,225,000	187845686	01638002495	108869107778	Vietinbank
23	Xông Bá Lại	18573801070087	59B2	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	890,000	5	4,450,000	187670059	0948470114	100869107790	Vietinbank
24	Vì Thị Trinh	18573801070105	59B2	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187710205	01699137735	100869107794	Vietinbank
25	Đặng Văn Đình	18573801070101	59B2	Con bệnh binh 2/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	184394704	0948729658	100869107788	Vietinbank
26	Moong Văn Hải	19573801070068	60B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Khơ mú	890,000	5	4,450,000	187865556	0827209327	106870743982	Vietinbank
27	Lương Thị Hương	19573801070065	60B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	890,000	5	4,450,000	187781178	0354439862	101870924973	Vietinbank
28	Đinh Thế Nam	19573801070001	60B	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thổ	623,000	5	3,115,000	187640025	0973051594	103870745191	Vietinbank
29	Lê Thị Thanh Na	19573801070028	60B	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187818815	0828685242	100870744007	Vietinbank
30	Vì Văn Tùng	19573801070023	60B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187569879	0835094798	104870744030	Vietinbank
Ấn định danh sách miễn 25 SV, giảm 70% 04 SV, giảm 50% 01 SV.							Tổng tiền:	25,187,000	125,935,000				
Ấn định danh sách toàn khoa miễn 71 SV, giảm 70% 21 SV, giảm 50% 4 SV.							Tổng tiền:	78,053,000	390,265,000				

8. KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền d/tháng	Số tháng	Số tiền d/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
-----	-----------	-------	-----	-----------	-----------	---------	-----------------	----------	--------------	---------	---------------	--------------	-----------------

1	Trần Huy Hoàng Minh	155D2202010213	57B1	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	184319548	967337187	101002711773	Vietinbank
2	Nguyễn Thị Thơm	165D22020100162	57B2	Mồ côi cả cha lẫn mẹ	Miễn		890,000	5	4,450,000	187405398	944224256	100003247592	Vietinbank
3	Trần Thị Khánh Ly	165D22020100038	57B2	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187719057	962381145	105003436210	Vietinbank
4	Phan Trọng Phước Thành	165D22020100142	57B2	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187697235	903451902	107003128826	Vietinbank
5	Nguyễn Thị Thủy Hà	165D22020100030	57B1	Con người bị TNLD	Giảm 50%		445,000	5	2,225,000	187709274	1627713322	101003634874	Vietinbank
6	Nguyễn Minh Hiếu	1755222020100040	58B2	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187817112	0943357937	104867611534	Viettin bank
7	Nguyễn Thị Thủy Hằng	1755222020100021	58B1	Con liệt sỹ	Miễn		890,000	5	4,450,000	187766653	0947649822	105867611476	Viettin bank
8	Nguyễn Thị Uyên	1755222020100018	58B1	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		890,000	5	4,450,000	184334084	01654517928	102867611512	Viettin bank
9	Trần Thị Thanh Hoài	1755222020100184	58B4	Mồ côi cả cha lẫn mẹ	Miễn		890,000	5	4,450,000	187842166	0399860296	100867611650	Viettin bank
10	Bùi Thị Thu Sang	1755222020100102	58B5	Con Thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187813343	0983418069	100867611514	Viettin bank
11	Nguyễn Thị Ngọc Anh	18572202010075	59B1	Con Bệnh Binh 1/3	Miễn		890,000	5	4,450,000	184360782	0904952344	105869449102	Viettin bank
12	Phan Thị Hoài	18572202010072	59B1	HĐKC bị nhiễm CĐHH	Miễn		890,000	5	4,450,000	184408256	01672031490	101869108037	Viettin bank
13	Lô Thị Hà	18572202010036	59B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187841224	0854580567	102869108088	Viettin bank
14	Thái Ngọc Hiệp	18572202010035	59B2	Con thương binh 1/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187587587	0981012132	109869108093	Viettin bank
15	Lê Thị Thanh Nga	18572202010010	59B2	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187844300	0328980068	102869108106	Viettin bank
16	Lê Thị Dung	18572202010196	59B3	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		890,000	5	4,450,000	187697396	0964887621	102869108133	Viettin bank
17	Nguyễn Thị Linh Chi	18572202010132	59B3	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187767659	0988901418	105869108130	Viettin bank
18	Mac Thị Xuân Mai	18572202010184	59B4	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187837138	0393587982	101869108198	Viettin bank
19	Nguyễn Thị Hoa Phương	18572202010187	59B4	Con người bị TNLD	Giảm 50%		445,000	5	2,225,000	184358147	0363241545	101869108204	Viettin bank
20	Lê Thị Mơ	19572202010162	60B5	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thổ	890,000	5	4,450,000	187841865	0348532516	101870698308	Viettin bank
21	Lương Thị Nguyệt	19572202010142	60B4	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187833966	0338212432	102870698289	Viettin bank
22	Lô Trương Huy	19572202010129	60B3	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187903566	0349975045	107870698220	Viettin bank
23	Cao Thị Thương	19572202010028	60B3	Con thương binh 4/4	Miễn		890,000	5	4,450,000	187825304	0343417755	103870698249	Viettin bank
24	Nguyễn Thị Thảo Anh	19572202010080	60B2	Mồ côi cả cha lẫn mẹ	Miễn		890,000	5	4,450,000	186896036	0949876408	107870698148	Viettin bank
25	Nguyễn Thị Thu Hà	19572202010070	60B2	Con người bị TNLD	Giảm 50%		445,000	5	2,225,000	187856282	0335634452	100870698157	Viettin bank
26	Lô Thị Phương Thanh	19572202010192	60B4	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187771147	0829162921	107870698296	Viettin bank
27	Lương Thị Thảo Chi	19572202010247	60B4	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187880236	0845336997	105870698261	Viettin bank
28	Hà Như Ý	19572202010282	60B4	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187834259	0863357523	106870698303	Viettin bank
29	Quang Thị Hà Mây	19572202010075	60B1	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187931762	0966175101	109870698119	Viettin bank
30	Nguyễn Thị Thương	19572202010022	60B1	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	623,000	5	3,115,000	187712544	0843253999	103870698127	Viettin bank
31	Lô Văn Kiên	19572202010193	60B5	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	890,000	5	4,450,000	187931579	0378106212	104870698318	Viettin bank
An định danh sách toàn khoa miễn 23 SV, giảm 70% 05 SV, giảm 50% 03 SV.							Tổng tiền:	24,920,000	124,600,000				

9. KHOA XÂY DỰNG

Ngành: Kỹ thuật xây dựng

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền d/tháng	Số tháng	Số tiền d/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Lưu Đức Nhường	155D5802080116	56K1	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187441540	1634622606	108002626368	Vietinbank
2	Phan Mạnh	155D5802080132	56K2	Con người bị TNLD	Giảm 50%		530,000	5	2,650,000	184301340	962412972	101002681012	Vietinbank
3	Lâu Bá Cu	155D5802080194	56K2	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	1,060,000	5	5,300,000	187563192	972174915	102002680991	Vietinbank
4	Lương Văn Phênh	155D5802080211	56K3	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	1,060,000	5	5,300,000	187225895	964023654	108002626725	Vietinbank
5	Lâu A BLông	155D5802080162	56K3	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	1,060,000	5	5,300,000	40781670	919437349	102002057153	Vietinbank
6	Nguyễn Thành Đạt	155D5802080031	56K4	Con thương binh 3/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187403931	1642747545	107002626741	Vietinbank
7	Trần Việt Dũng	155D5802080118	56K4	Con bệnh binh 2/3	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	184269168	1666088896	108002626740	Vietinbank
8	Trần Trung Đức	155D5802080058	56K4	Con thương binh 3/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187698936	01679239368	105002626743	Vietinbank

9	Võ Quang Hải	165TDV200293	57 K1	Con bệnh binh 1/3	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	184268485	01634276570	108002522077	Vietinbank
10	Nguyễn Văn Bách	165TDV200108	57K1	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187717966	1633242474	104003635389	Vietinbank
11	Lê Văn Điệp	165TDV200312	57K2	Con bệnh binh 2/3	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187128935	976390371	102006414342	Vietinbank
12	Nguyễn Đức Trường	165TDV200311	57K2	Con bệnh binh 2/3	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	175023962	01633242474	102003635462	Vietinbank
13	Đặng Đăng Hoàng	1755258020800080	58K1 XD	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187759664	01682105053	104867628388	Vietinbank
14	Doãn Văn Toàn	1755258020800029	58K2 XD	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187745272	0978381490	105867628429	Vietinbank
15	Nguyễn Thanh Hải	18575802010021	59K1	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187818266	0961480629	0101001210963	Vietcombank
16	Phan Văn Trường	18575802010047	59K2	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187696579	0922113190	102869107978	Vietinbank
17	Nguyễn Quốc Luân	19575802010043	60K1	Con thương binh 4/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	184436420	0932390402	100870924974	Vietinbank
18	Trương Văn Sơn	19575802010057	60K1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187902077	0329451175	108870924963	Vietinbank

Ấn định danh sách miễn 17 SV, giảm 50% 01 SV

Tổng tiền: 18,550,000 92,750,000

Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Lang Minh Vỹ	155D5802050071	56K1	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Thái	1,060,000	5	5,300,000	187505177	1696234163	107002626508	Vietinbank
2	Đình Quang Đức	155D5802050061	56K2	Con thương binh 2/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187608130	1678754218	106002626545	Vietinbank
3	Nguyễn Tuấn Cường	155D5802050064	56K2	Con người bị TNLD	Giảm 50%		530,000	5	2,650,000	184288010	1643350345	109002626449	Vietinbank
4	Trần Quốc Hoàng	155D5802050012	56K2	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187394756	962656385	103002626457	Vietinbank
5	Nguyễn Mạnh Tú	155D5802050010	56K2	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187698387	1292695766	104002098761	Vietinbank
6	Lê Công Bình	1755258020506001	58K1	Con thương binh 2/4	Miễn		1,060,000	5	5,300,000	187696292	01653270909	105003511711	Vietinbank

Ấn định danh sách miễn 5 SV, giảm 50% 01 SV.

Tổng tiền: 5,830,000 29,150,000

Ấn định danh sách toàn khoa miễn 22 SV, giảm 50% 02 SV

Tổng tiền: 24,380,000 121,900,000

Ấn định danh sách toàn trường gồm 431 SV, trong đó miễn 341 SV, giảm 70% 63 SV, giảm 50% 27 SV

Tổng tiền: 374,916,000 1,874,580,000

Số tiền miễn giảm học kỳ 1 năm học 2019 - 2020 là 1.874.580.000 đồng (Một tỷ, tám trăm bảy mươi triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng).

TRƯỞNG PHÒNG CTCT-HSSV

TS. Đặng Thị Thu

TRƯỞNG PHÒNG KH-TC

ThS. Đậu Đăng Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Đinh Xuân Khoa